

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRẦN THỊ THU HIỀN**

**HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG  
XUẤT KHẨU TẠI NGÂN HÀNG  
PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng – Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS. TS TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: TS. HỒ Hữu Tiến

Phản biện 2: TS. HỒ Kỳ Minh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

# 1 MỞ ĐẦU

## **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong những năm qua, xuất khẩu luôn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với việc tăng trưởng kinh tế, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và xóa đói, giảm nghèo. Chính Phủ ta đã xây dựng những chính sách đúng đắn trên cơ sở khoa học, hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, xã hội cũng như môi trường nhằm thúc đẩy phát triển xuất khẩu theo tiêu chí phát triển bền vững.

Hoạt động xuất khẩu được hỗ trợ qua nhiều kênh dưới nhiều hình thức khác nhau, ngoài việc tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, Chính phủ đã có những biện pháp cụ thể hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu về vốn thông qua chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Hòa cùng kênh hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp xuất khẩu từ Ngân hàng thương mại, Nhà nước cũng đưa ra chính sách tín dụng xuất khẩu mang tính chất ưu đãi được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam ( tiền thân là Quỹ hỗ trợ phát triển). Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thành lập NHPT cũng gặp không ít khó khăn và hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu thực tế để đưa ra những một số kiến nghị, phương hướng và giải pháp để hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu là vô cùng cần thiết.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về xuất khẩu và hoạt động tín dụng xuất khẩu.

- Trên cơ sở đó, đánh giá hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam nhằm đưa ra những kiến nghị, phương hướng và giải pháp để hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

## **3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

- Nghiên cứu về hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đang áp dụng tại NHPT Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu là hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại NHPT Việt Nam giai đoạn 2006 -2011.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng tổng hợp các phương pháp: phương pháp tổng hợp, chứng minh, diễn giải, nghiên cứu lý thuyết và vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật, phương pháp thống kê, phân tích số liệu, phương pháp so sánh, đối chiếu, suy luận.

## **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục, danh mục từ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2011

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Tại Việt Nam, NHPT Việt Nam là tổ chức duy nhất thực hiện hoạt động tín dụng của Nhà nước. Vì vậy, cần phải nâng cao vai trò, chức năng của NHPT Việt Nam từ đó đưa ra các chính sách nhằm hoàn thiện hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu đang thực hiện thông qua tổ chức này. Do vậy, việc nghiên cứu cần được tiến hành một cách có khoa học. Để có thông tin cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu luận văn, tác giả đã tiến hành thu thập thông tin, tìm hiểu các luận văn thạc sĩ có nội dung tương tự đã được công nhận để tiến hành nghiên cứu nhằm tìm ra nền tảng cho quá trình hoàn thành luận văn.

Đề tài và bài báo có nội dung chính liên quan đến vấn đề tác giả đang nghiên cứu là luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Tiến Dũng thực hiện tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương thực hiện tại trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Mai Hoa thực hiện tại trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng; luận văn thạc sĩ của tác giả Trần Thị Như Mai và các bài báo của tác giả Th.S Đỗ Thị Ngọc Bích.

Luận văn Thạc sĩ “*Nâng cao năng lực quản lý rủi ro tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Tiến Dũng thực hiện dưới sự hướng dẫn của TS. Trần Thị Bích Ngọc. Trong luận văn này, tác giả đã trình bày được các vấn đề lý luận về rủi ro tín dụng và nội dung công tác quản trị rủi ro tín dụng, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh cụ thể thực tế tại ngân hàng, thực trạng rủi ro tín dụng, công tác quản lý rủi ro tín dụng xuất khẩu từ đó đề ra giải pháp quản trị rủi ro tín dụng tại NHPTVN trong giai đoạn 2006 đến 2011. Tuy nhiên, trong luận văn, tác giả vẫn chưa phân tích các rủi ro tác động đến hoạt động tín dụng xuất khẩu tại NHPTVN và các biện pháp cụ thể để hạn chế đối với từng loại rủi ro. Ngoài ra, trong luận văn này tác giả chỉ đề cập chính đến các vấn đề về công tác quản lý rủi ro trong hoạt động tín dụng chứ không đề cập đến lý luận về công tác hạn chế rủi ro tín dụng.

Luận văn Thạc sĩ “*Giải pháp nâng cao hiệu quả nghiệp vụ tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch IP*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương. Trong luận văn, tác giả nêu ra các nội dung cơ bản về tín dụng xuất khẩu của nhà nước và các tổ chức thực hiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của nhà nước. Từ đó đưa ra được một số giải pháp để nâng cao, hoàn thiện nghiệp vụ tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam mà chưa chú trọng đến các nhân tố khác có tác động và ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng.

Luận văn Thạc sĩ “*Hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại*

*Ngân hàng Chính sách Xã hội, Chi nhánh Đà Nẵng*” của tác giả Nguyễn Thị Mai Hoa dưới sự hướng dẫn của TS. Võ Thị Thúy Anh đã đưa ra cơ sở lý luận về tín dụng ưu đãi hộ nghèo, từ đó phân tích tình hình hoạt động và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo. Tuy nhiên, luận văn vẫn chưa nêu ra được những rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro đối với hình thức cho vay này.

Luận văn Thạc sỹ “*Mở rộng tín dụng xuất khẩu tại Chi nhánh NHPT Ninh Bình*” của tác giả Trần Thị Như Mai đưa ra các vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng xuất khẩu, các tiêu chí mở rộng tín dụng xuất khẩu và các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng tín dụng xuất khẩu. Luận văn còn nêu về kinh nghiệm hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại một số nước Châu Á, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Bài báo “*Hoạt động tín dụng xuất khẩu giai đoạn 2006 – 2011 và sự phát triển kinh tế Đất nước – Nhìn lại một chương đường*” và “*Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Kênh tài trợ Doanh nghiệp xuất khẩu hiệu quả*” của tác giả Đỗ Thị Ngọc Bích đã phản ánh được tình hình hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong thời gian qua, sự tác động của các chính sách, sự hỗ trợ trong và ngoài nước đồng thời đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước trong thời gian tới.

## **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC**

### **1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU**

#### **1.1.1. Khái niệm**

Xuất khẩu là việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ cho nước ngoài trên cơ sở dùng tiền tệ làm phương tiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá. Tiền tệ ở đây có thể là ngoại tệ đối với ít nhất một bên trong mối quan hệ này. Mục đích của hoạt động xuất khẩu là khai thác được lợi thế của từng quốc gia trong phân công lao động quốc tế. Việc trao đổi hàng hóa mang lại lợi ích cho các quốc gia do đó các quốc gia đều tích cực tham gia mở rộng hoạt động này.

#### **1.1.2. Các hình thức xuất khẩu chủ yếu**

- Xuất khẩu tại chỗ
- Xuất khẩu gia công
- Xuất khẩu tự doanh
- Xuất khẩu qua đại lý nước ngoài
- Hình thức tạm nhập, tái xuất khẩu
- Chuyển khẩu
- Xuất khẩu mậu biên

#### **1.1.3. Vai trò của hoạt động xuất khẩu đối với sự phát triển kinh tế**

**a. Xuất khẩu tạo nguồn vốn cho nhập khẩu và tích lũy phát triển sản xuất, phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước**

**b. Xuất khẩu đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản**

### *xuất phát triển*

*c. Xuất khẩu có vai trò tích cực đổi mới trang thiết bị và công nghệ sản xuất*

*d. Xuất khẩu có tác động tích cực tới việc giải quyết công ăn việc làm và cải thiện đời sống nhân dân*

*e. Xuất khẩu là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta*

## **1.2. TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC**

### **1.2.1. Khái niệm tín dụng xuất khẩu**

Tín dụng là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ người sở hữu sang cho người sử dụng trong một thời hạn nhất định với một khoảng chi phí nhất định. Một quan hệ được xem là quan hệ tín dụng khi nào chứa đựng đầy đủ ba nội dung:

- Có sự chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ người sở hữu sang người sử dụng
- Sự chuyển nhượng này có thời hạn
- Sự chuyển nhượng này kèm theo chi phí

Tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng phát sinh giữa một bên là chính phủ và bên kia là cá nhân hoặc doanh nghiệp hay tổ chức. Tín dụng nhà nước xuất hiện nhằm thỏa mãn những nhu cầu chi tiêu của ngân sách nhà nước trong điều kiện nguồn thu không đủ để đáp ứng; nó còn là công cụ để nhà nước hỗ trợ cho các ngành kinh tế yếu kém, ngành mũi nhọn và khu vực kinh tế kém phát triển, và là công cụ quan trọng để nhà nước quản lý, điều hành vĩ mô.

Tín dụng xuất khẩu là khoản tín dụng mà ngân hàng dành cho các nhà xuất khẩu/ nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu về vốn phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hoá, giúp các doanh nghiệp có khả năng hoàn thành các hợp đồng ngoại thương đã ký.

### **1.2.2. Bản chất tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước là hình thức tài trợ trực tiếp về mặt tài chính để Chính phủ đáp ứng vốn cho ngành hàng xuất khẩu then chốt, thị trường xuất khẩu chiến lược hay tiềm năng có khả năng đem lại kim ngạch xuất khẩu lớn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế – xã hội của Nhà nước.

Với mục đích nhằm hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu, nên về bản chất tín dụng xuất khẩu của Nhà nước có những điểm khác biệt so với loại hình tín dụng của các ngân hàng thương mại. Bản chất tín dụng xuất khẩu của Nhà nước thể hiện ở những điểm sau:

**Thứ nhất**, hoạt động TDXK của Nhà nước không vì mục tiêu lợi nhuận mà là nhằm hỗ trợ về tài chính cho các Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân tham gia sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu để có điều kiện đầu tư sản xuất, đổi mới công nghệ, giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng

sản phẩm tạo sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Khác với tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, tín dụng tài trợ xuất khẩu tại các Ngân hàng thương mại là quan hệ tín dụng trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Tùy từng trường hợp mà Ngân hàng có thể chủ động cho doanh nghiệp vay với lãi suất, mức vốn và thời gian vay khác nhau.

**Thứ hai**, nguồn vốn cho vay TDXK thuộc nguồn vốn tín dụng Nhà nước Chính phủ bố trí giao kế hoạch. Hàng năm căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước bố trí một mức vốn nhất định để dành cho hoạt động TDXK. Đối với tín dụng tài trợ xuất khẩu tại các NHTM nguồn vốn cho vay chủ yếu dựa vào nguồn vốn huy động từ các tổ chức và cá nhân.

**Thứ ba**, cơ chế cho vay vốn ưu đãi hơn hình thức cho vay thông thường như ưu đãi về lãi suất, bảo hiểm tiền vay... Lãi suất cho vay là lãi suất ưu đãi thường thấp hơn lãi suất cho vay của các NHTM, với mục đích hỗ trợ cho doanh nghiệp có điều kiện giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu. Vì cho vay với lãi suất ưu đãi nên hàng năm được Ngân sách Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay đầu ra và đầu vào. Về bảo đảm tiền vay, khi vay vốn tại NHTM các đơn vị phải thế chấp tài sản và giá trị thế chấp thường cao hơn giá trị khoản vay; tuy nhiên, không phải đơn vị nào cũng có đủ tài sản để thế chấp khi vay vốn NHTM. TDXK có tính chất hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước nên đòi hỏi về bảo đảm tiền vay cũng có tính hỗ trợ không khắt khe như yêu cầu bảo đảm tiền vay tại các NHTM

**Thứ tư**, đối tượng được vay vốn TDXK của Nhà nước hạn chế so với đối tượng cho vay của các NHTM. Đối tượng vay vốn TDXK của Nhà nước phải có hợp đồng Xuất khẩu đối với nhà xuất khẩu hoặc có hợp đồng nhập khẩu đối với nhà nhập khẩu, phương án sản xuất kinh doanh có lãi và thuộc danh mục mặt hàng được Nhà nước quy định khuyến khích xuất khẩu. Đối tượng tín dụng tài trợ xuất khẩu tại các NHTM là các doanh nghiệp hoặc nhà xuất khẩu vay vốn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động để mua nguyên vật liệu, trả chi phí sản xuất hoặc thanh toán tiền mua hàng hóa,... nhằm thực hiện hợp đồng ngoại thương đã ký kết.

### **1.2.3. Ưu điểm và hạn chế của Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

#### **a. Ưu điểm**

- *Tính đa dạng linh hoạt các hình thức tài trợ góp phần giảm xung đột lợi ích giữa các quốc gia, tạo sân chơi bình đẳng trong cạnh tranh dẫn đến phát huy tối đa các nguồn lực của xã hội cho xuất khẩu.*
- *Khuyến khích các mặt hàng xuất khẩu chiến lược, then chốt.*
- *Tài trợ các doanh nghiệp tham gia các thị trường xuất khẩu tiềm năng hay thị trường xuất khẩu lớn.*
- *Chia sẻ và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thương mại quốc tế*

**b. Hạn chế**

<b>Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước</b>	<b>Tín dụng xuất khẩu NHTM</b>
- Đối tượng cho vay bị giới hạn: doanh nghiệp, tổ chức những mặt hàng thuộc danh mục khuyến khích xuất khẩu Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế.	- Đối tượng cho vay không bị giới hạn: doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có hoạt động xuất khẩu.
- Hình thức cho vay kém đa dạng và linh hoạt do phải chịu ràng buộc các quy tắc quốc tế.	- Hình thức cho vay đa dạng, linh hoạt
- Mức độ tham gia tài trợ bị giới hạn do chịu sự ràng buộc các quy định	- Mức độ tham gia tài trợ không bị giới hạn
- Thủ tục quy trình vay vốn, giải ngân đòi hỏi phức tạp hơn	- Thủ tục quy trình vay vốn, giải ngân đơn giản
- Lãi suất: lãi suất trái phiếu Chính phủ + phí quản lý	- Lãi suất: lãi suất huy động thị trường + phí huy động, phí quản lý + lợi nhuận
- Rủi ro hơn do quy định tỷ lệ tài sản đảm bảo thấp.	- An toàn hơn do quy định tài sản đảm bảo thường lớn hơn mức vốn vay
- Mục đích cho vay không vì lợi nhuận: mà khuyến khích xuất khẩu, tạo công ăn việc làm hay mang lại hiệu quả xã hội	- Mục đích cho vay: vì lợi nhuận

**1.2.4. Các hình thức tín dụng xuất khẩu của Nhà nước****a. Theo thời hạn cho vay**

- Cho vay xuất khẩu ngắn hạn: Là các khoản cho vay xuất khẩu có thời hạn vay dưới 1 năm.

- Cho vay xuất khẩu trung và dài hạn: Là các khoản tín dụng có thời hạn dài hơn 1 năm.

**b. Theo đối tượng được cung cấp khoản vay**

- Khoản vay dành cho người bán

- Khoản vay dành cho người mua

**c. Theo giao dịch xuất khẩu**

- Cho vay trước khi giao hàng

- Cho vay sau khi giao hàng

**1.3. HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC****1.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu**



## **của Nhà nước**

Xuất phát từ tầm quan trọng của hoạt động xuất khẩu đối với nền kinh tế đất nước, mỗi Quốc gia đều đưa ra các chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu phát triển. Vì vậy, để thực hiện tốt chức năng của mình, các tổ chức được phân giao nhiệm vụ cấp vốn cho các Doanh nghiệp cần hiểu rõ được vai trò là công cụ của Nhà nước trong hoạt động tín dụng xuất khẩu. Vì vậy, hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước là điều cần thiết để các tổ chức trên thực hiện tốt nhiệm vụ và chức năng của mình.

### **1.3.2. Công tác hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

#### **a. Các nội dung cần hoàn thiện trong hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

❖ Hoàn thiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu và chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

❖ Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ trong hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

❖ Hoàn thiện công tác cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

#### **b. Các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

❖ Các tiêu chí định lượng

- Dư nợ bình quân: Là toàn bộ số tiền Ngân hàng đã cho vay nhưng chưa thu hồi nợ bình quân trong kỳ. Chỉ tiêu này được tính tại một thời điểm xác định. Chỉ tiêu này giúp phản ánh sự tăng trưởng tín dụng trong năm, từ đó đưa ra các chính sách để phát triển hoạt động cấp tín dụng trong những năm tiếp theo.

- Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ: đây là chỉ tiêu dùng để so sánh sự tăng trưởng dư nợ tín dụng qua các năm để đánh giá khả năng cho vay, tìm kiếm khách hàng và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng của Ngân hàng. Chỉ tiêu càng cao thì mức độ hoạt động của Ngân hàng càng ổn định và có hiệu quả, ngược lại Ngân hàng đang gặp khó khăn và thể hiện việc thực hiện kế hoạch tín dụng chưa hiệu quả.

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ (\%)} = \frac{(\text{Dư nợ năm nay} - \text{Dư nợ năm trước})}{\text{Dư nợ năm trước}} \times 100\%$$

- Doanh số cho vay: Là chỉ tiêu phản ánh các khoản tín dụng mà ngân hàng đã cho khách hàng vay, không xét đến việc khoản tín dụng đó đã được thu hồi về hay chưa, thường được xác định theo tháng, quý hoặc năm.

- Tỷ lệ tăng trưởng doanh số cho vay (DSCV): Chỉ tiêu này dùng để so sánh sự tăng trưởng tín dụng qua các năm để đánh giá khả năng cho vay, tìm kiếm khách hàng và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng của ngân hàng. (tương tự như chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ, nhưng bao gồm toàn bộ dư nợ cho vay trong năm đến thời điểm hiện tại và dư nợ cho vay trong năm đã thu

hồi).

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng DSCV (\%)} = \frac{\text{DSCV năm nay} - \text{DSCV năm trước}}{\text{DSCV năm trước}} \times 100\%$$

- Tỷ lệ thu lãi (%): Chỉ tiêu này dùng để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của ngân hàng, đánh giá khả năng đôn đốc, thu hồi lãi và tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu của ngân hàng từ việc cho vay.

$$\text{Tỷ lệ thu lãi (\%)} = \frac{\text{Tổng lãi đã thu trong năm}}{\text{Tổng lãi phải thu gom trong năm}} \times 100\%$$

- Chất lượng nợ: Chất lượng nợ được thể hiện qua hai chỉ tiêu chính cụ thể sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn: } \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}}$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu: } \text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Tổng nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}}$$

❖ *Các tiêu chí định tính*

- Hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội mà hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước mang lại

- Số khách hàng được vay vốn trong năm, bao gồm khách hàng đúng đối tượng và khách hàng không đúng đối tượng.

#### **1.4 NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU**

##### **1.4.1 Các quy tắc quốc tế trong hoạt động tín dụng xuất khẩu**

- a. Hiệp định về tín dụng xuất khẩu của OECD*
- b. Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (ASCM)*
- c. Liên minh Berne (Liên minh quốc tế của các nhà bảo hiểm tín dụng và đầu tư)*

##### **1.4.2 Chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

- a. Chính sách xuất khẩu và Chính sách tín dụng xuất khẩu*
- b. Đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội và nguồn lực xuất khẩu*
- c. Tình hình kinh tế chính trị xã hội của các nước nhập khẩu*
- d. Nhu cầu vay vốn của khách hàng*
- e. Tình hình tài chính của khách hàng và hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh*

#### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương 1, luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về xuất khẩu và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Qua nghiên cứu rút ra một số kết luận sau đây:

Hoạt động xuất khẩu đóng vai trò hết sức quan trọng cho nền kinh tế của mỗi quốc gia, vì vậy hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu là điều vô cùng cần thiết. Hỗ trợ tín dụng xuất khẩu của Nhà nước là kênh hỗ trợ đặc lực giúp cho các Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, thương mại đối với những mặt hàng,

lĩnh vực thuộc đối tượng được hỗ trợ, khuyến khích phát triển có cơ hội tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn của Nhà nước.

Tại Việt Nam, đơn vị duy nhất thực hiện chức năng cấp vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước là ngân hàng Phát triển Việt Nam. Vì vậy cần phải nắm rõ về hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Trong phần này đã đưa ra một số các chỉ tiêu để đánh giá hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, bao gồm các nhóm định tính và định lượng. Những vấn đề được đề cập trong chương 1 sẽ là tiền đề cơ bản cho việc nghiên cứu các chương tiếp theo của luận văn.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU TẠI NH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2006-2011**

#### **2.1 GIỚI THIỆU VỀ NHPT VIỆT NAM**

##### **2.1.1 Đặc điểm hình thành và phát triển**

Quỹ hỗ trợ phát triển (Quỹ HTPT) đã được thành lập theo Nghị định 50/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 và Quyết định 231/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ 01/01/2000 đóng vai trò một tổ chức tài chính nhà nước chuyên hoạt động trong lĩnh vực cho vay và quản lý thu hồi vốn tín dụng ĐTPT, tập trung các nguồn vốn, các chương trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước về một đầu mối. Tuy nhiên, chính sách tín dụng HTXK trong giai đoạn này mới chủ yếu tập trung vào hoạt động hỗ trợ dưới hình thức cho vay dự án và cho vay ngắn hạn. Hoạt động phổ thông và cơ bản của một tổ chức thực hiện chính sách TDXK của Nhà nước như cho vay nhà nhập khẩu, bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng hay bảo hiểm TDXK chưa được triển khai. Vấn đề đặt ra là phải thành lập một tổ chức có chức năng thực hiện chính sách TDXK một cách tập trung và chuyên sâu; thực hiện các hoạt động TDXK phù hợp với những quy định của WTO và thương mại quốc tế; đồng thời không cạnh tranh với hoạt động tín dụng thương mại thông thường. Để đáp ứng yêu cầu đó, ngày 19/5/2006, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 108/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Quỹ HTPT để thực hiện chính sách tín dụng ĐTPT và TDXK của Nhà nước.

##### **2.1.2. Đặc điểm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

##### **2.1.3. Mô hình tổ chức của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

NHPT được tổ chức theo hệ thống (hiện có gần 3.000 cán bộ, nhân viên thừa hành, quản lý) và thực hiện nhiệm vụ thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Cơ cấu tổ chức của NHPT như sau:

- Hội đồng quản lý.
- Ban Kiểm soát.
- Bộ máy điều hành.

### 2.1.4. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

## 2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC TẠI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM HIỆN NAY

### 2.2.1. Các chính sách hỗ trợ xuất khẩu của Chính phủ thời gian qua

#### a. Hỗ trợ thông qua tín dụng Nhà nước

- ❖ *Hỗ trợ lãi suất tín dụng qua NHTM*
- ❖ *Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu trung và dài hạn*
- ❖ *Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn*

#### b. Hỗ trợ tài chính qua Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu

#### c. Hỗ trợ thông qua chương trình xúc tiến thương mại

#### d. Hỗ trợ qua chính sách ưu đãi thuế

### 2.2.2. Quy trình cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

#### a. Cho nhà xuất khẩu vay

- *Đối tượng cho vay*: Khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong nước có HĐXK hàng hóa nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK. Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK được hiểu là Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- *Điều kiện cho vay*: Khách hàng thuộc đối tượng vay vốn; có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có HĐXK hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu hàng hóa nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK; có phương án sản xuất kinh doanh được NHPT thẩm định và chấp thuận; thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHPT.

#### - *Các phương thức cho vay xuất khẩu*:

+ Cho vay từng lần: là việc NHPT và khách hàng thoả thuận vay vốn trên từng HĐXK cụ thể. Mỗi lần vay vốn NHPT và khách hàng thực hiện các thủ tục theo quy định.

+ Cho vay theo hạn mức: là việc NHPT và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức cho vay duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Điều kiện cho vay theo hạn mức là: Khách hàng hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm gần nhất; Có hoạt động xuất khẩu thường xuyên trong năm; Có uy tín trong quan hệ tín dụng với NHPT.

- *Đồng tiền cho vay và trả nợ*: Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi. Cho vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi đối với HĐXK có nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu mà nhà xuất khẩu có nguồn thu ngoại tệ để trả nợ. Về nguyên tắc, vay bằng đồng Việt Nam trả nợ bằng đồng Việt Nam, vay bằng ngoại tệ trả nợ bằng ngoại tệ. Khách hàng vay vốn bằng VND có nhu cầu trả nợ bằng ngoại tệ, NHPT thu nợ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thanh toán tại thời điểm trả nợ.

- *Mức vốn cho vay*: Mức vốn cho vay do NHPT quyết định, trong trường hợp cho vay từng lần, mức vốn cho vay tối đa bằng 85% giá trị HĐXXK hoặc giá trị L/C đối với cho vay trước khi giao hàng hoặc trị giá hối phiếu hợp lệ đối với cho vay sau khi giao hàng; trong trường hợp cho vay theo hạn mức, mức vốn cho vay tối đa bằng 85% tổng doanh thu xuất khẩu trong kỳ.

- *Thời hạn cho vay*: Tối đa 12 tháng. Trường hợp cho vay trên 12 tháng: NHPT đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định (hiện nay riêng mặt hàng tàu biển thời hạn cho vay là 24 tháng). Các khoản vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định có thời hạn vay trên 12 tháng: Thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- *Lãi suất cho vay*: Do Bộ Tài chính quyết định trên nguyên tắc phù hợp với lãi suất thị trường. Trường hợp khách hàng vừa vay vốn bằng đồng Việt Nam, vừa vay vốn bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thì áp dụng lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với phần vốn vay bằng đồng Việt Nam, áp dụng mức lãi suất cho vay bằng ngoại tệ đối với phần vốn vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng tín dụng tính trên số nợ gốc và nợ lãi chậm trả.

- *Bảo đảm tiền vay*: NHPT cho vay có bảo đảm tiền vay theo các hình thức sau: Cầm cố thế chấp: tài sản bảo đảm phải tối thiểu bằng 15% số vốn vay; bảo lãnh: mức bảo lãnh tương đương 100% số vốn vay.

+ NHPT cho vay không có bảo đảm tiền vay trong các trường hợp sau: Theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ. Cho vay sau khi giao hàng: Khách hàng có bộ chứng từ hàng xuất hoàn hảo theo quy định của L/C hoặc được nhà nhập khẩu/ngân hàng phục vụ nhà nhập khẩu chấp nhận thanh toán đối với phương thức thanh toán L/C. NHPT lựa chọn khách hàng có đủ các điều kiện sau để cho vay không có bảo đảm tiền vay

#### ***b. Cho nhà nhập khẩu vay:***

- *Đối tượng cho vay*: khách hàng (nhà nhập khẩu nước ngoài) mua hàng hoá do Việt Nam sản xuất nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn TĐXXK.

- *Điều kiện cho vay*: Khách hàng thuộc đối tượng cho vay; có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự đầy đủ; đã ký kết hợp đồng nhập khẩu hàng hóa nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn TĐXXK với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế Việt Nam; có phương án sản xuất kinh doanh được NHPT thẩm định và chấp thuận; được Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương nước khách hàng bảo lãnh vay vốn.

- *Đồng tiền cho vay và trả nợ*: Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi. Cho vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi đối với HĐXXK mà nhà xuất khẩu Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu. Về nguyên tắc, vay bằng đồng Việt Nam trả nợ bằng đồng Việt Nam, vay bằng ngoại tệ trả nợ bằng ngoại tệ. Khách hàng vay vốn bằng VND có nhu cầu trả nợ bằng ngoại tệ, NHPT thu nợ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thanh toán tại thời điểm

thu nợ.

- *Mức vốn cho vay:* Mức vốn cho vay do NHPT quyết định, tối đa bằng 85% giá trị HĐXK hoặc giá trị L/C có hiệu lực đối với cho vay trước khi giao hàng hoặc trị giá hối phiếu hợp lệ đối với cho vay sau khi giao hàng. Đối với phần vốn còn lại, khách hàng phải huy động đủ các nguồn vốn hợp pháp khác như vốn chủ sở hữu, vốn vay v.v...

- *Thời hạn cho vay:* Tối đa 12 tháng. Trường hợp cho vay trên 12 tháng: NHPT đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định. Các khoản vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định có thời hạn vay trên 12 tháng: Thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- *Lãi suất cho vay:* Do Bộ Tài chính quyết định trên nguyên tắc phù hợp với lãi suất thị trường. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng tín dụng.

*c. Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu*

*d. Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng*

### **2.2.3. Kết quả công tác hoàn thiện hoạt động TDXK của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong thời gian qua**

Trong những năm qua, NHPT luôn nỗ lực hoàn thành kế hoạch TDXK hàng năm do Thủ tướng Chính phủ giao cụ thể: Năm 2007, vượt kế hoạch 12%; Năm 2008, mặc dù gặp nhiều khó khăn do nền kinh tế khủng hoảng nhưng NHPT vẫn hoàn thành đạt tỷ lệ cao với mức 136%; Năm 2009 lại tiếp tục là một năm phát triển mạnh mẽ trong hoạt động tín dụng xuất khẩu của VDB khi vượt kế hoạch chính phủ giao 60%; các năm tiếp theo quay trở về mức bão hòa với tỷ lệ hoàn thành đạt được lần lượt là 108% và 103,8%.

**Bảng 2.1: Dư nợ bình quân TDXK**

*DVT: tỷ đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>Dư nợ bình quân</b>						
Thủ tướng Chính phủ giao	3.500	2.500	7.525	10.000	15.000	16.181
Thực hiện	3.000	2.800	10.235	16.000	16.200	16.796
Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	86,7%	112%	136%	160%	108%	103,8%
Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ	-	-6,67%	265%	56%	1,25%	3,68%

*(Nguồn số liệu: Ngân hàng Phát triển Việt Nam)*

Mang nhiệm vụ là kênh duy nhất hỗ trợ tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, nhưng doanh số cho vay của NHPT đối với hoạt động xuất khẩu vẫn còn chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong tổng kim ngạch xuất khẩu (năm 2011, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước khoảng 96 tỷ USD, doanh số cho vay của

NHPTVN khoảng 968 triệu USD, chiếm 1% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước). Bởi đây là hình thức hỗ trợ của Nhà nước nên đối tượng đủ điều kiện dễ tiếp xúc với nguồn vốn vẫn còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, cho vay TDXK tập trung vào những mặt hàng lợi thế, cần khuyến khích nên nguồn vốn này đã đóng góp đáng kể về mặt kinh tế – xã hội.

**Bảng 2.2: Kết quả cho vay TDXK từ năm 2006 đến năm 2011**

(ĐVT: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Doanh số cho vay	8.200	9.544	27.275	28.142	20.153	15.453
2	Thu nợ	8.800	6.987	19.496	27.011	18.122	15.724
3	Thu lãi	179	183	764	787	1.153	922
4	Tỷ lệ thu lãi	56,32%	67,56%	78,45%	48,38%	85,21%	78,92%
5	Dư nợ đến 31/12	3.000	5.557	13.336	14.467	16.498	16.227

(Nguồn số liệu: Ban TDXK – NHPT)

- Hoạt động TDXK tại NHPTVN năm 2006 gặp khá nhiều khó khăn do một số nguyên nhân chủ yếu như: Mặt hàng gạo là mặt hàng chủ đạo cho vay TDXK không nằm trong danh mục các mặt hàng thuộc đối tượng vay vốn từ tháng 03/2006 (Bộ Tài chính cho rằng, xuất khẩu gạo của Việt Nam thời gian qua tương đối tốt nên đưa ra khỏi danh mục).

Bên cạnh đó, trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO, lại là năm đầu tiên thực hiện chuyển đổi mô hình từ Quỹ Hỗ trợ phát triển sang NHPTVN phần nào đã gây tâm lý e dè khi cho vay tại các Chi nhánh. Bên cạnh đó, tính cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng ngày càng cao hơn khiến thị phần cho vay bị hạn chế, khách hàng truyền thống, có uy tín và doanh số lớn có chiều hướng chuyển sang quan hệ với NHTM.

- Bước sang năm 2007, doanh số cho vay xuất khẩu đã được đẩy mạnh đáng kể, tăng 16% so với năm 2006. Góp phần vào sự tăng trưởng đó có ảnh hưởng trực tiếp của cơ chế TDXK mới, các quy định cho vay TDXK của Nhà nước khá thông thoáng phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, thêm nữa, NHPTVN đã thực hiện các hoạt động quảng bá hình ảnh, tiếp thị chính sách, phân cấp mạnh hơn cho các Chi nhánh, đẩy mạnh việc cho vay theo hạn mức.

- Năm 2008 là năm nghiệp vụ TDXK phát triển nhanh, mạnh, điều này được thể hiện rõ qua số liệu tình hình thực hiện nghiệp vụ năm 2008 so với năm 2007: doanh số cho vay tăng mạnh gần 3 lần, dư nợ tăng gấp 2,4 lần, thu gốc tăng gấp gần 3 lần...; dư nợ bình quân TDXK năm 2008 đạt 10.235 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so với năm 2007, gấp 1,28 lần kế hoạch dư nợ bình quân do Thủ tướng Chính phủ giao cuối năm 2008 (7.000-8.000 tỷ đồng) và gấp 2 lần kế hoạch do Tổng Giám đốc NHPT giao đầu năm (5.100 tỷ đồng).

- Năm 2009, bất chấp những khó khăn do cuộc *khủng hoảng kinh tế*

toàn cầu cuối năm 2008 gây ra, doanh số cho vay TDXK đạt 28.141 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2008, xuất sắc hoàn thành vượt mức kế hoạch dư nợ bình quân do Thủ tướng Chính phủ giao. Tuy nhiên, trong năm này do khó khăn kinh tế, đã làm gia tăng tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn được thể hiện rõ ở tỷ lệ thu lãi chỉ đạt ở mức 48,38%.

- Trong năm 2010 và năm 2011, NHPT thực hiện hạn chế tín dụng nên doanh số cho vay đạt thấp. Doanh số cho vay năm 2010 là 20.163 tỷ đồng, giảm 28% so với doanh số cho vay năm 2009 và tiếp tục giảm trong năm 2011 khi doanh số cho vay chỉ còn ở mức 15.453 tỷ đồng.

**\* Tình hình nợ quá hạn TDXK:**

Bên cạnh những kết quả đã trình bày ở trên, cho vay TDXK trong thời gian qua cũng còn có nhiều dự án có nợ quá hạn và lãi đến hạn chưa trả (lãi treo) qua những năm gần đây.

**Bảng 2.6: Nợ quá hạn trong TDXK**

*Đơn vị: tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011
1	Dư nợ gốc (cuối kỳ báo cáo)	3.000	5.557	13.336	14.467	16.498	16.227
2	Trong đó Nợ gốc quá hạn	105	51	71	286	2.760	2.712
3	Tỷ lệ nợ gốc quá hạn (%)	3,5	0,9	0,53	1,97	16,7	16,7
4	Lãi treo	6.8	6	23	157	430	807

*Nguồn số liệu: Ban TDXK - NHPTVN*

Tỷ lệ nợ quá hạn năm 2006 là 3,5% nhưng giảm đáng kể ở năm 2007, 2008. Điều này phản ánh ý thức trả nợ của các doanh nghiệp vay vốn, chất lượng thẩm định các khoản vay của NHPT đạt khá, sự phối hợp tốt với các NHTM trong kiểm soát nguồn thu từ hợp đồng xuất khẩu. Tuy nhiên, sang năm 2010 và năm 2011, tỷ lệ nợ quá hạn lại nhẩy vọt lên 16,7%. Nguyên nhân do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, khách hàng không xuất khẩu được hàng hoá, nhà nhập khẩu chậm thanh toán, NHTM thắt chặt tín dụng, do bão lũ, phía CuBa chậm trả.

Năm 2010 và năm 2011 nợ quá hạn tập trung chủ yếu ở nhóm hàng nông lâm thủy sản (53%): cà phê, chè, hạt điều đã qua chế biến, rau quả và thủy sản, đặc biệt, mặt hàng thủy sản có tỷ lệ nợ quá hạn cao nhất trong nhóm hàng nông lâm thủy sản. Nhóm hàng có tỷ lệ cao quá hạn tiếp theo là nhóm hàng công nghiệp có số nợ quá hạn là 97 tỷ đồng, chiếm 34% tổng số nợ quá hạn. Toàn bộ số nợ quá hạn của nhóm hàng công nghiệp phát sinh tại khoản vay để xuất khẩu bóng đèn sang thị trường Cu ba của Công ty cổ phần bóng đèn điện quang. Khoản vay được thực hiện theo chương trình đặc biệt của Chính phủ, đã phát sinh nợ quá hạn từ đầu năm 2009, đến nay, khách hàng chưa trả được nợ do nhà nhập khẩu Cu ba không thanh toán tiền theo cam kết.



## **2.2.4. Đánh giá chung công tác hoàn thiện hoạt động TDXK của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

### **a. Thành tựu đạt được**

- *Về công tác hoàn thiện chính sách TDXK của Nhà nước:* Chính phủ đã đưa ra các quy định mới, điều chỉnh các quy định cũ, đưa ra các chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của thị trường quốc tế. Bắt đầu đi vào hoạt động, Quỹ HTPT được giao cho nhiệm vụ cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu, cấp bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu dựa trên quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 về việc ban hành quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu. Đây được coi là văn bản pháp lý nền tảng tạo điều kiện thuận lợi và mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong việc thúc đẩy, khuyến khích hoạt động xuất khẩu, chế biến, kinh doanh hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập thế giới, đặc biệt là sau khi Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại Quốc tế WTO, thì Việt Nam phải tuân thủ những cam kết cắt bỏ hàng loạt hàng rào bảo hộ, hạng mục thuế quan được thiết lập trong giai đoạn trước đây. Chính điều đó đã làm cho quyết định 133 không còn phù hợp mà cần được điều chỉnh theo xu thế hội nhập. Ngày 20 tháng 12 năm 2006 Chính phủ đã ban hành nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, thay thế cho quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 và mới đây Chính phủ lại tiếp tục có những sự thay đổi về hoạt động tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu khi ban hành nghị định 75/2011/NĐ-CP. Quy định này đã làm thay đổi đáng kể, phù hợp với nhu cầu thực tế và thông lệ quốc tế, có ý nghĩa to lớn trong việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Bên cạnh đó các chính sách hỗ trợ xuất khẩu cũng dần được cải thiện để hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu trong nước nhằm tạo động lực đẩy mạnh cho các Doanh nghiệp gia tăng sản xuất.

- *Về hoàn thiện quy trình nghiệp vụ đối với hoạt động TDXK của Nhà nước tại NHPTVN:* Nếu như trước đây, NHPT vẫn chưa thật sự thực hiện toàn diện vai trò của mình. Ngày nay với sự ra đời của các văn bản mới, văn bản thay thế, sửa đổi các quy định cũ thì chức năng của NHPT Việt Nam được thể hiện ngày rõ nét. Với nhiệm vụ là cơ quan duy nhất cấp phát vốn của Nhà nước đến các Doanh nghiệp được hỗ trợ, thì NHPT Việt Nam đang thực hiện ngày càng hiệu quả, huy động được các nguồn vốn nhân rồi từ các tổ chức kinh tế, đồng thời cấp tín dụng đến các dự án, phương án đầu tư có hiệu quả, mang lại hiệu quả cao cho nền kinh tế cũng như xã hội. Các quy trình, nghiệp vụ ngày càng rõ ràng, cụ thể, phân rõ từng loại nghiệp vụ riêng biệt giúp cho cán bộ tín dụng dễ dàng tiếp cận và mang lại hiệu quả cao trong quá trình vận dụng. Đây cũng là một yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng tín dụng tại NHPTVN.

- *Về hoàn thiện công tác cấp TDXK của Nhà nước tại NHPTVN:* Chất

lượng cung cấp dịch vụ, cấp tín dụng ngày càng được nâng cao đồng thời phát triển rộng rãi và phong phú nhiều hình thức tín dụng xuất khẩu nhằm hỗ trợ tối đa cho Doanh nghiệp xuất khẩu. Vì là một Ngân hàng của Chính phủ, nên NHPT Việt Nam vẫn chưa thật sự áp dụng được các phương thức kinh doanh năng động và hiện đại như các NHTM khác. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Đặc biệt là cán bộ làm việc vẫn còn mang tính thụ động, bao cấp. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, NHPT đã dần cải thiện được chất lượng cung cấp dịch vụ, cải thiện thủ tục hành chính, không gian giao dịch và thái độ phục vụ khách hàng của cán bộ cũng ngày được nâng cao. Cơ sở vật chất cũng như năng lực chuyên môn của cán bộ cũng đang dần được cải thiện. Hệ thống NHPT rộng khắp trên khắp các Tỉnh Thành với 52 Chi nhánh và 2 Sở giao dịch. Chính điều này tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước. NHPT đang dần thay đổi các máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Các phần mềm, chương trình quản lý được sử dụng nhiều hơn, giúp quản lý chặt chẽ thông tin khách hàng, các khoản vay, kế hoạch, nguồn vốn... Ngoài ra, NHPT cũng cải thiện chất lượng cán bộ, hàng năm đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cao, đúng chuyên ngành được tuyển dụng và đào tạo nghiệp vụ có chất lượng cao. Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học ngày càng gia tăng.

Nâng cao năng lực quản lý rủi ro trong hoạt động tín dụng xuất khẩu: Với vai trò là một tổ chức thực hiện chức năng hỗ trợ Doanh nghiệp của Nhà nước, vì thực hiện theo các chính sách của Chính phủ, nên rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng cũng tương đối cao hơn so với các NHTM khác. Tuy nhiên, thời gian qua, NHPTVN cũng đã thực hiện quản lý tốt đối với các khoản tín dụng, đồng thời cải thiện chất lượng nợ trong ba năm trở lại đây

### ***b. Những tồn tại***

#### ***❖ Về cơ chế chính sách tín dụng xuất khẩu***

- Đối tượng được ưu đãi hạn chế: Thị trường xuất khẩu có rất nhiều loại hàng khác nhau và rất đa dạng trong khi đó chỉ có những nhóm mặt hàng nào thuộc đối tượng hưởng TDXK thì mới tiếp cận vay vốn TDXK tại NHPT, do đó khả năng đáp ứng hết tất cả các nhu cầu đa dạng của khách hàng là không thể.

- Hình thức TDXK còn đơn điệu: Trong thực tế các hình thức TDXK được thực hiện qua NHPT thì mới chỉ có nghiệp vụ cho vay nhà xuất khẩu được thực hiện trong thực tế. Các hình thức khác như: Cho vay nhà nhập khẩu, Bảo lãnh TDXK, Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng tuy đã có nhưng vẫn chưa được thực hiện trong thực tế

- Thủ tục vay vốn tại NHPT phức tạp gây khó khăn cho doanh nghiệp

#### ***❖ Về công tác quản lý nợ, xử lý rủi ro***

- Chất lượng thẩm định còn thấp: Khi thẩm định cho vay căn cứ vào

báo cáo tài chính để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định (vào cuối niên độ kế toán) là chưa đủ, và chính xác, chỉ nắm được những thông tin về một số chỉ tiêu không có sự biến động nhiều, như: chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách, tài sản cố định, lợi nhuận ... còn các chỉ tiêu tài chính khác như: luân chuyển vốn, tiền mặt, công nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho, nợ ngắn hạn ... không thể cập nhật kịp thời, chính xác trong từng thời điểm.

- Công tác kiểm tra giám sát tình hình sử dụng vốn vay chưa chặt chẽ: Việc theo dõi giám sát tiền vay, đối chiếu số liệu, hồ sơ, căn cứ chứng từ giải ngân chưa chặt chẽ, giám sát tình hình sử dụng vốn vay chưa được tiến hành thường xuyên và đầy đủ.

- Công tác kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả: Cơ chế kiểm soát của NHPT hiện nay mới chỉ chú trọng đến công tác kiểm tra kiểm soát xử lý, bảo vệ vốn chứ chưa chú ý đến công tác kiểm soát tổng quát, công tác kiểm tra nội bộ chưa làm tốt chức năng ngăn chặn và giám sát. Chất lượng tự kiểm tra, kiểm soát chưa cao dẫn đến còn nhiều tồn tại chưa được phát hiện chấn chỉnh kịp thời. Tổ chức bộ máy làm công tác kiểm tra trong hệ thống vẫn còn mỏng, chưa có tính chuyên nghiệp, chưa được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Hệ thống chấm điểm xếp hạng khách hàng xây dựng chưa hoàn chỉnh: Hệ thống chấm điểm xếp hạng nội bộ doanh nghiệp vay vốn TDXK tại hệ thống NHPT Việt Nam xây dựng chậm và chưa hoàn chỉnh dẫn đến chưa có cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất về khách hàng vay vốn TDXK phục vụ cho công tác thẩm định, cho vay, đảm bảo an toàn tín dụng và áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với từng loại khách hàng.

#### ❖ *Về chất lượng phục vụ và sự chuyên nghiệp của NHPT*

- Về lực lượng cán bộ, nhân viên ngân hàng, công tác đào tạo cán bộ: Nguồn nhân lực vẫn còn mỏng và trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được nhu cầu của công việc. Cán bộ tín dụng chỉ tự nghiên cứu quy trình, nghiệp vụ để thực hiện mà không có các chương trình đào tạo cụ thể. Điều này gây khó khăn cho cán bộ trong việc áp dụng các quy định vào thực tiễn, đây cũng gây ra một áp lực về tâm lý cho cán bộ khi cho vay.

- Chính sách khách hàng của NHPT ban hành chậm và các Chi nhánh chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề này.

#### **c. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân bên ngoài NHPT

- Nguyên nhân thuộc về NHPT

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 của luận văn đã nghiên cứu hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại NHPTVN trong giai đoạn từ 2006 – 2011; từ những nghiên cứu đây rút ra một số nhận xét chính như sau:

Luận văn đánh giá, phân tích sâu về kết quả hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu của Nhà nước được thực hiện thông qua tổ chức duy nhất là NHPTVN. Từ đó rút ra được những thành tựu mà hoạt động TDXK của Nhà nước mang lại.

Từ nghiên cứu, luận văn đã chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân trong hoạt động TDXK của Nhà nước, từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp phù hợp để hoàn thiện hoạt động TDXK của Nhà nước tại NHPTVN trong thời gian đến.

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU TẠI NHPT VIỆT NAM**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TDXK CỦA NHPT VIỆT NAM**

##### **3.1.1. Định hướng hoạt động NHPTVN đến năm 2015**

##### **3.1.2. Định hướng hoạt động TDXK tại NHPTVN đến năm 2015**

##### *a. Gia nhập WTO và những yêu cầu đối với Việt Nam về TDXK*

##### *b. Định hướng hoạt động TDXK tại NHPTVN đến năm 2015*

#### **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM**

**3.2.1. Hoàn thiện nghiệp vụ, điều chỉnh các quy định nghiệp vụ phù hợp với Nghị định của Chính phủ về TDXK và pháp luật hiện hành**

*a. Hoàn chỉnh các quy định, nghiệp vụ phù hợp với Nghị định và pháp luật hiện hành gồm:*

- *Bảo đảm tiền vay:* giá trị tài sản bảo đảm tiền vay theo hướng linh hoạt, áp dụng các biện pháp cụ thể cản gấn chặt với việc chấm dứt tín dụng và xếp hạng khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế và độ an toàn trong thanh toán của HĐXK. Ví dụ: Nếu hình thức thanh toán an toàn và xếp hạng tín dụng của đơn vị tốt, có thể xem xét hình thức tín chấp cho đơn vị vay vốn. Đa dạng hoá các hình thức cầm cố, thế chấp.

- *Giảm các quy định khi cho vay theo hạn mức tín dụng:* hình thức này đã được áp dụng tại NHPT trong thời gian qua. Việc cho vay theo hạn mức tín dụng cần có những quy định chặt chẽ để xác định được đúng nhu cầu vay vốn phục vụ cho xuất khẩu. Việc quy định điều kiện để được vay theo hạn mức là: đơn vị vay vốn có hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi liên tục trong 2 năm gần nhất, có hoạt động xuất khẩu thường xuyên trong năm là cần thiết. Tuy nhiên, việc quy định đơn vị vay vốn phải có uy tín trong quan hệ tín dụng với NHPT có thể là quá khắt khe vì như vậy sẽ khiến các doanh nghiệp chưa bao giờ vay vốn tại NHPT không thể vay vốn TDXK theo hình thức này. Nên chăng, khi xem xét điều kiện để đơn vị vay vốn được vay theo hạn mức, NHPT chỉ cần quy định là đơn vị vay vốn có uy tín trong quan hệ tín dụng với các ngân hàng là đủ.

- *Giải ngân:* điều chỉnh các quy định về giải ngân theo hướng linh hoạt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị vay vốn trong quá trình sản xuất, kinh

doanh hàng xuất khẩu.

- *Công tác kiểm tra, giám sát cần thực hiện theo một quy chuẩn từ trung ương tới các Chi nhánh*: Chi nhánh cần kiểm tra, theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu của đơn vị để đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, kịp thời. Tại Hội sở chính, cần kết hợp với việc kiểm tra thực tế công tác cho vay tại Chi nhánh, việc theo dõi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị vay vốn để có thể kịp thời đưa ra cảnh báo cho các Chi nhánh NHPT về an toàn tín dụng và chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong thực hiện nghiệp vụ của các Chi nhánh. Việc kiểm tra cần được tăng cường hơn để đảm bảo thu hồi nợ vay khi xu hướng đối tượng cho vay thu hẹp và lãi suất cho vay tiệm cận với lãi suất thị trường.

- *Phân loại nợ*: nghiên cứu điều chỉnh công tác phân loại nợ theo chuẩn mực của thế giới trên cơ sở phân loại theo khả năng thu hồi nợ, mức độ rủi ro của khoản vay thay vì chỉ phân loại nợ dựa trên tuổi nợ (thời gian của nợ quá hạn) từ đó đánh giá chuẩn xác về các khoản nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương ứng, đưa ra được những biện pháp xử lý nợ kịp thời, tránh để nợ tồn đọng, dây dưa mà không thu hồi được.

### ***b. Triển khai nghiệp vụ thanh toán quốc tế***

Nhu cầu thanh toán quốc tế trong giai đoạn này là rất cần thiết để phục vụ tối đa nhà xuất khẩu, đồng thời giúp việc quản lý và đa dạng hoá các hình thức TDXK, nâng dần vị thế của NHPT Việt Nam trong thị trường tài chính quốc tế, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu những hàng hóa mới, giá trị lớn khi được NHPT tài trợ.

Để có thể thiết lập hệ thống thanh toán quốc tế, trước hết hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước của NHPT phải hoàn chỉnh, NHPT tham gia mạng SWIFT và thiết lập được mạng lưới Ngân hàng đại lý với các ngân hàng trên thế giới.

### **3.2.2 Hạn chế rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, từng bước chuẩn hoá công tác TDXK cho NHPT**

#### ***a. Thiết lập hệ thống quản trị thông tin tín dụng***

Thông tin tín dụng đầy đủ, kịp thời và chính xác là yêu cầu cần thiết và quan trọng đối với hoạt động ngân hàng, đặc biệt là đối với hoạt động TDXK ngắn hạn.

Nghiệp vụ thông tin tín dụng là việc thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, xếp loại, dự báo, trao đổi, cung cấp, lưu trữ, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng nhằm góp phần bảo đảm an toàn hoạt động tín dụng; đồng thời giúp cấp quản lý và điều hành có căn cứ để xây dựng chiến lược, chính sách tín dụng và chiến lược quản lý rủi ro tín dụng.

Xây dựng hệ thống thông tin liên tục cập nhật về nhà nhập khẩu, thị trường nhập khẩu: công việc này đòi hỏi hệ thống công nghệ thông tin thông

suốt, ổn định giữa Hội sở chính và các Chi nhánh NHPT. Các cán bộ tín dụng có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhà nhập khẩu, thị trường, giá cả các khoản vay do mình tiếp nhận và chia sẻ thông tin với toàn hệ thống. Thành lập bộ phận chuyên trách về quản lý và thu thập, xử lý thông tin trong Trung tâm tin học.

### ***b. Thiết lập hệ thống quản lý nợ có vấn đề***

Nợ có vấn đề là các khoản tín dụng không thu hồi được hoặc có dấu hiệu không thu hồi được theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng. Nợ có vấn đề gồm những khoản vay trong hạn, nợ gia hạn nhưng có những dấu hiệu không an toàn có thể dẫn đến rủi ro; nợ thanh toán không đúng kỳ hạn, đã quá hạn (nợ quá hạn thông thường, nợ khó đòi, nợ chờ xử lý, nợ khoanh, nợ tồn đọng).

Quản lý nợ có vấn đề là quá trình phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý, thu hồi nợ nhằm giảm thiểu mức độ rủi ro có thể xảy ra, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.

Phân loại nợ là phương pháp quan trọng phải thực hiện để quản lý nợ có vấn đề. Công tác phân loại nợ đều đặn và thường xuyên, các tiêu chí phân loại nợ phải rõ ràng. Trước mắt thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ vay.

Phân loại dư nợ đúng, hệ thống quản lý nợ có vấn đề tốt sẽ tạo điều kiện để NHPT cơ cấu lại nợ, tạo sự minh bạch tài chính và nâng cao uy tín.

### **3.2.3. Từng bước đưa các hình thức TDXK mới vào thực hiện trong thực tế để thúc đẩy xuất khẩu**

#### ***a. Nghiệp vụ cho vay nhà nhập khẩu***

Đây là nghiệp vụ hoàn toàn mới của NHPT và mang tính đặc thù cao do khách hàng vay vốn là các nhà nhập khẩu ở các quốc gia khác nhau. Tại các nước phát triển, nghiệp vụ này ngày càng chiếm vai trò quan trọng và thay thế dần nghiệp vụ cho vay nhà xuất khẩu. Tỷ trọng dư nợ tín dụng người mua trên tổng dư nợ của các cơ quan TDXK chính thức có xu hướng tăng dần. Tuy nhiên, tại NHPT hiện nay, nghiệp vụ này vẫn chưa được thực hiện trong thực tế.

Hình thức cho vay này có thể được thực hiện thông qua hai kênh:

- Cho vay trực tiếp nhà nhập khẩu
- Cho vay gián tiếp (cho vay lại) đến nhà nhập khẩu

#### ***b. Nghiên cứu, triển khai nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng xuất khẩu***

Đến một lúc nào đó, các nghiệp vụ cho vay nhà xuất khẩu, cho vay nhà nhập khẩu, bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng tiếp tục hoàn thiện và phát triển phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế. Và khi tiềm lực kinh tế của nước ta đủ mạnh, các doanh nghiệp Việt Nam đủ sức xuất khẩu hàng hoá công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao và hiện đại sang những thị trường mới nhiều tiềm năng nhưng ẩn chứa nhiều yếu tố rủi ro thì tất yếu sẽ phát sinh nhu cầu bảo hiểm TDXK. Hơn nữa, bảo hiểm TDXK

cũng là nghiệp vụ đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng, từ đó kích thích các NHTM tài trợ cho xuất khẩu thông qua TDXK và giảm sức ép về vốn cho vay trực tiếp đối với NHPT. Đồng thời hình thức này cũng phù hợp với giai đoạn hội nhập sâu hơn về thương mại quốc tế, giai đoạn yêu cầu phải bỏ hoàn toàn cho vay với lãi suất ưu đãi và bãi bỏ những ưu đãi về tín dụng cho một số mặt hàng nhạy cảm. Các loại hình bảo hiểm TDXK đối với nhà xuất khẩu và đối với nhà nhập khẩu gắn rất chặt với hoạt động cho vay nhà xuất khẩu và cho vay nhà nhập khẩu. Do vậy, bảo hiểm TDXK được coi như một hình thức hỗ trợ cho hoạt động cho vay xuất khẩu.

### **3.2.4. Quảng bá hình ảnh, vị thế và vai trò của NHPT trong hoạt động TDXK của Nhà nước, tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính - tín dụng trên thế giới**

#### ***a. Quảng bá hình ảnh, vị thế và vai trò của NHPT trong hoạt động TDXK của Nhà nước***

Thời gian qua, công tác quảng bá hình ảnh, vị thế và vai trò của NHPT trong việc thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu tự tìm đến NHPT do tính hấp dẫn của lãi suất ưu đãi.

Trong điều kiện mới hiện nay, khi mà các ưu đãi về mặt lãi suất dần mất đi và thay vào đó là ưu đãi về chất lượng phục vụ thì công tác quảng bá trở nên đặc biệt quan trọng, nếu không được quan tâm đúng mức các doanh nghiệp sẽ không tìm đến NHPT, theo đó chính sách TDXK của Nhà nước cũng sẽ không đến được với nhiều doanh nghiệp.

#### ***b. Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế***

Chính sách TDXK của Nhà nước chỉ mới được thực hiện qua 7 năm tại Quỹ HTPT trước đây và NHPT hiện nay. Đối với các hoạt động TDXK, NHPT chưa có nhiều kinh nghiệm nhất là trong việc triển khai thực hiện các nghiệp vụ mới như cho vay nhà nhập khẩu, bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Vì vậy, việc hợp tác và học tập kinh nghiệm của các Ngân hàng xuất nhập khẩu các nước là rất cần thiết, đặc biệt là với các tổ chức tài chính tín dụng có hoạt động tương đồng và hoạt động như một công cụ của Chính phủ trong việc thực hiện chính sách TDXK (ECA) trong khu vực và trên thế giới. Hơn nữa, trong giai đoạn NHPT chưa tạo dựng được tên tuổi trên thị trường tài chính quốc tế thì việc hợp tác với các ECA sẽ không chỉ giúp NHPT có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm về nghiệp vụ mà còn giúp NHPT thiết lập được uy tín trên trường quốc tế và là một kênh huy động vốn hiệu quả để phục vụ cho hoạt động TDXK.

### **3.2.5. Đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hoạt động TDXK của Nhà nước mang tính chuyên nghiệp**

#### ***a. Nguồn nhân lực - nhân tố quan trọng và quyết định nhất***

- *Bộ máy tổ chức*: thời gian đầu có thể tập trung vào một đầu mối. Tuy

nhien cùng với sự phát triển của các hình thức TDXK nên chuyên môn hoá thành các bộ phận chức năng theo từng mảng nghiệp vụ cụ thể: cho vay nhà xuất khẩu, cho vay nhà nhập khẩu, bảo lãnh xuất khẩu, thanh toán quốc tế, tiếp thị và phát triển sản phẩm, quản lý thông tin v.v...

- *Công tác cán bộ:*

+ Tuyển dụng đầu vào: giỏi ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, có kiến thức cơ bản về vi tính và nghiệp vụ ngoại thương (Incoterm, bảo hiểm, thanh toán, vận tải v.v...) và ưu tiên đối với những người có kinh nghiệm thực tế.

+ Bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với khả năng của mỗi người, chú ý phát hiện bồi dưỡng cán bộ có năng lực.

+ Công tác đào tạo: thường xuyên và kết hợp nhiều hình thức. Đào tạo theo những chương trình cụ thể từ mức độ thấp đến cao và áp dụng cho các đối tượng nhân viên khác nhau để có thể đảm trách tốt công việc. Kết hợp đào tạo tại nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác với các ngân hàng phát triển, ngân hàng xuất nhập khẩu bằng các hình thức học tập trung theo lớp hoặc đối chéo cán bộ.

+ Việc sử dụng cán bộ phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn kết hợp với các biện pháp động viên khuyến khích kịp thời sẽ tạo nên sự nỗ lực trong công việc của các cán bộ.

### **3.2.6. Nâng cấp, chuẩn hoá hệ thống thông tin**

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và hoạt động TDXK nói riêng, thông tin mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nếu phân theo phạm vi địa lý, sẽ có 2 nhóm thông tin cần thiết cho TDXK, gồm:

- Nhóm 1: Thông tin tại nước xuất khẩu, gồm thông tin liên quan đến nhà xuất khẩu (tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh, uy tín trong quan hệ tín dụng, trình độ năng lực quản lý...); thông tin liên quan đến mặt hàng xuất khẩu (thị trường, giá cả đầu ra, đầu vào...)

- Nhóm 2: Thông tin tại nước nhập khẩu, gồm tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của quốc gia nhập khẩu, thông tin liên quan đến nhà nhập khẩu, thông tin liên quan đến tiêu thụ hàng hoá tại nước nhập khẩu.

Nếu như với tín dụng trong nước, người cho vay chỉ quan tâm đến thông tin nhóm 1 thì với TDXK, thông tin nhóm 2 lại có vai trò quan trọng không kém; đặc biệt với nghiệp vụ cho vay nhà nhập khẩu, bảo hiểm TDXK thì thông tin nhóm 2 đóng vai trò quan trọng hơn các thông tin nhóm 1. Điều đáng nói ở đây là những thông tin nhóm 2 thông thường lại khó thu thập hơn và khó xử lý hơn thông tin nhóm 1.

*Để thu thập thông tin phục vụ TDXK một cách hiệu quả cần phải:*

- Có bộ phận chuyên trách về thu thập, xử lý và quản lý thông tin.  
- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin trong nội bộ NHPT từ trung ương đến địa phương và giữa các Chi nhánh với nhau.

- Có cơ chế cập nhật và lưu trữ thông tin thường xuyên đối với các



nguồn thông tin từ khách hàng, khoản vay.

- Tập dụng quan hệ hợp tác với các ECA, trên cơ sở 2 bên cùng có lợi để tìm kiếm các đối tác và chia sẻ thông tin.

Bên cạnh việc thiết lập hệ thống thông tin, cần trang bị cơ sở vật chất và cán bộ làm tin học cho tất cả các Chi nhánh đảm bảo có khả năng khai thác thông tin một cách hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với các NHTM để khai thác thông tin phòng ngừa rủi ro tín dụng. Sự trao đổi thông tin hai chiều giữa NHPT và các NHTM sẽ tạo điều kiện cho cả hai bên có những thông tin chính xác về tình trạng tín dụng của doanh nghiệp, từ đó để có những quyết định chính xác hơn trong tài trợ. Thông tin tín dụng của NHPT cũng cần được cập nhật vào hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng Nhà nước.

### **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP**

#### **3.3.1. Chủ động áp dụng các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực TDXK của Nhà nước**

Chính phủ cần nghiên cứu các hình thức tài trợ phù hợp, tránh hình thức tài trợ bị cấm theo quy định, sửa đổi cơ chế lãi suất, phí phù hợp với thông lệ quốc tế để đảm bảo duy trì sự hỗ trợ cần thiết với các doanh nghiệp xuất khẩu, đảm bảo khả năng xuất khẩu được hàng hóa và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt nam trên thị trường quốc tế thay vì quy định một mức lãi suất cố định như hiện nay.

#### **3.3.2. Sửa đổi Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ**

Trong thời gian tới, Chính phủ cần nghiên cứu sửa đổi Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP cho phù hợp với chiến lược phát triển xuất khẩu giai đoạn 2010 - 2015 theo hướng giảm tỷ lệ các mặt hàng xuất khẩu thô, tăng tỷ lệ các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao.

#### **3.3.3. Đa dạng hóa hình thức tín dụng xuất khẩu của Nhà nước**

Đối với hoạt động bảo hiểm TDXK, thời gian trước mắt có thể chưa thực hiện được ngay vì điều kiện thực tế và tiềm lực tài chính của Việt Nam còn hạn chế. Nhưng đến khi tiềm lực tài chính của nước ta đủ mạnh và điều kiện thực tế cho phép, đề nghị Chính phủ hoặc cho phép NHPT được thực hiện thêm nghiệp vụ bảo hiểm TDXK bên cạnh các nghiệp vụ TDXK mà NHPT đang được thực hiện hoặc Chính phủ có thể nghiên cứu phương án thành lập một Công ty bảo hiểm tín dụng xuất khẩu độc lập với NHPT.

### **KẾT LUẬN**

Xuất phát từ việc khuyến khích, thúc đẩy xuất khẩu, TDXK của Nhà nước là một chính sách có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế - tài chính của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Chính phủ của hầu

hết các nước đều coi trọng chính sách TDXK. Công cụ TDXK của Nhà nước được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu trong tay Chính phủ để thúc đẩy xuất khẩu phát triển lâu dài và bền vững. Qua nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện chính sách TDXK của các nước Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ cho thấy chính sách TDXK hoặc được thực hiện thông qua một tổ chức tài chính như là Ngân hàng Xuất Nhập khẩu hoặc được cả hai tổ chức là Ngân hàng Xuất Nhập khẩu và Công ty bảo hiểm TDXK cùng thực hiện. Hiện nay, cùng với sự phát triển ở trình độ ngày càng cao của nền kinh tế, chính sách TDXK của các nước đang chuyển biến nhanh theo xu hướng chuyển từ tập trung tài trợ cho người cung cấp trong nước sang tập trung tài trợ cho mục tiêu chiếm lĩnh thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể là các nước hướng vào việc tài trợ cho nhà đầu tư trong nước thực hiện dự án ở nước ngoài bằng thiết bị kỹ thuật nội địa, tăng cường tín dụng cho người mua, tăng cường tín dụng ODA cho các nước khác để xuất khẩu máy móc thiết bị công nghệ của nước mình...

Ở Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ Phát triển trước đây và Ngân hàng phát triển Việt Nam hiện nay là tổ chức tài chính tín dụng chính thức và duy nhất được Chính phủ giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động TDXK của Nhà nước. Việc thực hiện chính sách HTXK của Chính Phủ sau một thời gian dài bị phân tán, do nhiều cơ quan khác nhau thực hiện, nay đã được tập trung về một đầu mối lớn nhất là NHPT cho thấy định hướng đúng đắn về phát triển nền kinh tế hướng về xuất khẩu nói chung và phát triển các chính sách tài chính tiền tệ HTXK nói riêng của Chính phủ trong xu thế phát triển và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Sự tăng trưởng đều đặn trong kết quả hoạt động hàng năm của NHPT cho thấy việc Chính phủ giao nhiệm vụ thực hiện chính sách TDXK của Nhà nước cho NHPT là chủ trương hoàn toàn đúng đắn và sẽ phát huy tác dụng mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động TDXK của Nhà nước thực hiện tại NHPT trong thời gian qua cũng không tránh khỏi những hạn chế xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Yêu cầu về thúc đẩy hoạt động TDXK của Nhà nước tại Việt Nam đang ngày càng trở nên cấp thiết. Người viết tin tưởng rằng, cùng với sự đánh giá đúng đắn về hoạt động TDXK của Nhà nước thực hiện tại NHPT trong thời gian qua và nỗ lực hoàn thiện nghiệp vụ này trong thời gian tới theo cơ chế thực hiện hiệu quả phù hợp với các quy định của WTO và thông lệ quốc tế, trong tương lai gần, NHPT sẽ có được vai trò và vị trí xứng đáng với tầm cỡ và mục tiêu đặt ra của Chính phủ.

Để làm được điều này, bên cạnh những nỗ lực đổi mới và hoàn thiện, NHPT rất cần có được sự ủng hộ và phối hợp chặt chẽ của Chính phủ, của các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trong việc thống nhất chủ trương hành động, kịp thời giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh nhằm thực hiện tốt chính sách TDXK của Nhà nước, đưa kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng bền vững, đúng hướng và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.